

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

MSC

Most Suitable Consultant

2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Chương I: GIỚI THIỆU CHUNG	
1. Thông điệp của Hội đồng Quản trị	02
2. Thông tin chung về công ty	03
3. Quan hệ cổ đông	06
Chương II: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	
1. Cơ cấu tổ chức	09
2. Nhân sự chủ chốt	09
3. Hội đồng Quản trị	10
4. Ban Kiểm soát	10
5. Cơ cấu lao động	12
6. Định hướng phát triển	14
7. Kiểm soát rủi ro	14
Chương III: BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016	
1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị	17
2. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	18
Chương IV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	

CHƯƠNG I – GIỚI THIỆU CHUNG

1. THÔNG ĐIẾP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông, Khách hàng và các Đối tác của MSC,

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông (MSC), tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã luôn tin nhiệm và đồng hành cùng MSC trong năm 2016 cũng như trong suốt chặng đường 14 năm thành lập và phát triển của Công ty.

Năm 2016 tiếp tục đánh dấu mức tăng trưởng cao của nền kinh tế Việt Nam khi tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,21%. Tuy vậy, cũng có nhiều khó khăn phải đối mặt khi tốc độ tăng có xu hướng chững lại. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ những biến động của các nền kinh tế lớn trên thế giới như Mỹ, châu Âu, Trung Quốc... và tình hình thiên tai, môi trường.

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2016 nhìn chung tương đối khả quan, được đánh giá là 1 trong 5 thị trường có mức tăng trưởng cao nhất tại khu vực Đông Nam Á khi chỉ số VN-Index tăng 15%, HNX-Index tăng 0,8%. Mức vốn hóa thị trường đạt 1.765 nghìn tỷ đồng, tương đương 42% GDP, tăng 30% so với năm 2015; thanh khoản cải thiện mạnh, quy mô giao dịch bình quân đạt 6.860 tỷ đồng/phiên, tăng 39% so với cuối năm 2015. Tổng mức huy động trên thị trường chứng khoán ước đạt 348 nghìn tỷ đồng, tăng 54% so với cùng kỳ năm 2015.

Bước sang năm 2017 dự báo là sẽ có nhiều thách thức với nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng. Do đó, để đảm bảo một năm hoạt động hiệu quả và bền vững phát triển, MSC đã xây dựng kế hoạch và chiến lược rất thận trọng. Trên nền tảng những kết quả đã đạt được trong năm 2016, MSC sẽ tiếp tục tập trung đầu tư nguồn lực cho các mảng hoạt động chủ đạo và cốt lõi bao gồm hoạt động môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp. Việc đầu tư vào công nghệ thông tin để phát triển các tiện ích phục vụ Khách hàng cũng như tăng cường công tác quản trị nội bộ sẽ là một trong những trọng tâm kế hoạch của MSC trong năm 2017.

Một lần nữa, thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời tri ân tới các Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Đối tác. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới toàn thể cán bộ nhân viên Công ty vì những nỗ lực hết mình đã đóng góp vào thành quả chung của MSC trong thời gian qua. Với sự đoàn kết và quyết tâm cao của toàn thể đội ngũ ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên, chúng tôi tin tưởng rằng năm 2017, MSC sẽ tiếp tục hoàn thành tốt những mục tiêu đề ra.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
MÊ KÔNG
Q. ĐỒNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI
LÊ QUỲNH TRANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

46 Nguyễn Như Kon Tum, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84) 4 6276 1818 - Fax: (+84) 4 6275 0077

Email: info@mekongsecurities.com.vn

2. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

2.1. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông (MSC) được thành lập và đi vào hoạt động theo Giấy phép số 10/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 18/02/2003.

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông
Vốn điều lệ	100,000,000,000 VNĐ
Địa chỉ	Số 46 Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	(04) 6276 1818
Fax	(04) 6275 0077
Website	www.mekongsecurities.com.vn
Email	info@mekongsecurities.com.vn

TẦM NHÌN

Trở thành Công ty Chứng khoán kinh doanh hiệu quả, lành mạnh, xây đắp giá trị bền vững tới cho Cổ đông, Đối tác và Khách hàng.

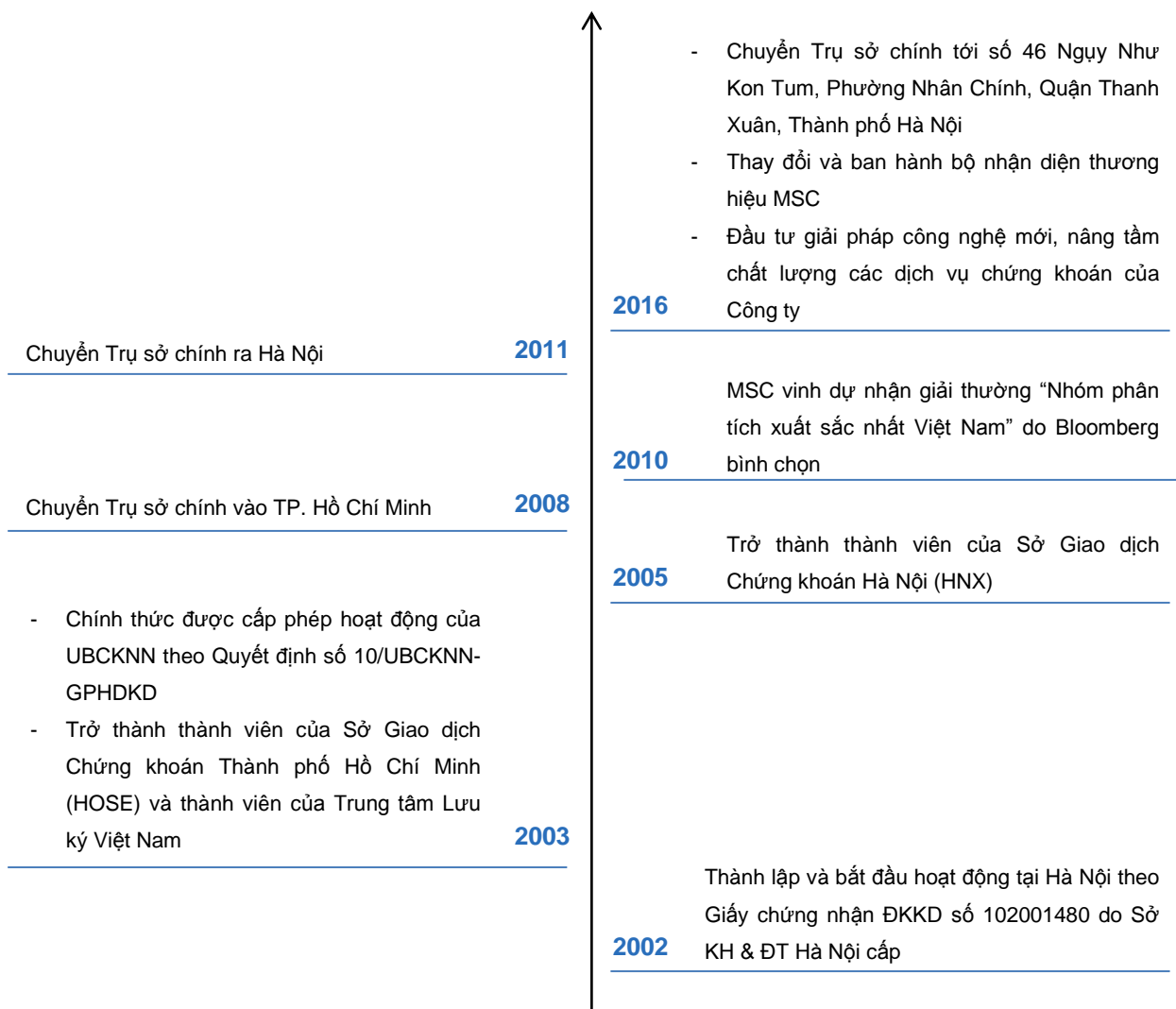
SỨ MỆNH

Đem đến cho nhà đầu tư những dịch vụ đặc biệt tiện ích có “Phí rẻ nhất – Nhanh nhất – An toàn nhất” trên thị trường.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Uy tín – Đạo đức – Tri thức – Minh bạch

2.2. Lịch sử phát triển



2.3. Các lĩnh vực hoạt động

Môi giới chứng khoán

Là một trong 10 công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập tại Việt Nam, với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động môi giới, MSC đang ngày càng hoàn thiện các sản phẩm, dịch vụ môi giới và công tác phục vụ Khách hàng. Với quan niệm phát triển gắn liền với lợi ích của Khách hàng, MSC chú trọng đầu tư về công nghệ thông tin, nguồn nhân lực, nghiên cứu phát triển các sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của Khách hàng.

Lưu ký chứng khoán

MSC cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán cho người đầu tư bao gồm ký gửi chứng khoán, thực hiện quyền, chuyển khoản, cầm cố chứng khoán, cho tặng, thừa kế chứng khoán cũng như các giao dịch chứng khoán lô lẻ. Dịch vụ lưu ký MSC cung cấp được thực hiện nhanh chóng, chính xác bởi đội ngũ cán bộ nghiệp vụ đã được tuyển chọn kỹ lưỡng và đào tạo bài bản và cẩn trọng trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).

Tư vấn tài chính doanh nghiệp

Với hàng trăm hợp đồng đã tư vấn thành công, MSC tiếp tục cung cấp cho khách hàng các sản phẩm dịch vụ bao gồm Dịch vụ thị trường vốn, dịch vụ thị trường nợ, Tái cấu trúc, Mua bán và Sáp nhập doanh nghiệp (M&A) và các nghiệp vụ tư vấn tài chính khác một cách chuyên nghiệp nhất. Với hệ thống sản phẩm, dịch vụ đa dạng của mình, MSC luôn mang tới cho khách hàng sự quan tâm và tư vấn tốt nhất.

2.4. Các chỉ số tài chính cơ bản

Bảng 1.1: Cơ cấu doanh thu của Công ty giai đoạn 2014-2016

Đơn vị: Triệu đồng

Cơ cấu chi phí	2014		2015		2016	
	Giá trị	%DT	Giá trị	%DT	Giá trị	%DT
DT Môi giới	77,24	6,62%	10,43	1,02%	1.182,47	65,52%
DT Tư vấn	788,45	67,61%	827,27	80,68%	39,52	2,19%
Doanh thu khác	300,50	25,77%	187,73	18,31%	582,63	32,29%
Tổng chi phí	1.166,20	100,00%	1.025,44	100,00%	1.804,62	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016

Bảng 1.2: Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	2015	2016	% tăng giảm
Tổng tài sản	71.473.847.987	79.470.161.076	11,19%
Tài sản ngắn hạn	69.308.145.891	75.433.234.882	8,84%
Tài sản dài hạn	2.165.702.096	4.036.926.194	86,40%
Nợ phải trả	3.057.514.085	857.165.842	-71,97%
Thuế và các khoản phải nộp	1.169.528.732	40.733.037	-96,52%
Vốn chủ sở hữu	68.416.333.902	78.612.995.234	14,90%
Doanh thu hoạt động	839.528.391	1.550.555.390	51,80%
Lợi nhuận trước thuế	-8.734.498.222	10.196.661.332	
Lợi nhuận sau thuế	-8.734.498.222	10.196.661.332	

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016

Bảng 1.3: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	2015	2016	% tăng giảm
Vốn điều lệ	100.000.000.000	100.000.000.000	0,00%
Tổng tài sản	71.473.847.987	79.470.161.076	11,19%
Tỷ lệ an toàn vốn	302,76%	840,94%	177,76%
Hệ số thanh toán ngắn hạn	22,67	88,00	288,22%
Hệ số thanh toán nhanh	22,67	88,00	288,22%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-12,77%	12,97%	

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016

3. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

3.1. Thông tin dành cho cổ đông

Cổ phần

Tổng số cổ phiếu phát hành	:	10.000.000 cổ phần
Cổ phiếu quỹ	:	0 cổ phần
Cổ phiếu đang lưu hành	:	10.000.000 cổ phần
Cổ phiếu phổ thông	:	10.000.000 cổ phần
Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	:	0 cổ phần

Cơ cấu cổ đông theo địa lý:

Đối tượng	Hạn chế chuyển nhượng	Chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu
(1)	(2)	(3)	(4)=(2) + (3)	(5)
1. Cổ đông trong nước		10.000.000	10.000.000	100,00%
2. Cổ đông nước ngoài		0	0	0%
Tổng Cộng		10.000.000	10.000.000	100,00%

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn, cổ đông nhỏ:

Đối tượng	Hạn chế chuyển nhượng	Chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu
(1)	(2)	(3)	(4)=(2) + (3)	(5)
Tổ chức nắm giữ từ 5% trở lên		1.980.000	1.980.000	19,80%
Cá nhân nắm giữ từ 5% trở lên		7.520.000	8.020.000	75,20%
Cá nhân nắm giữ dưới 5%		500.000	500.000	5,00%
Tổng Cộng		10.000.000	10.000.000	100,00%

3.2. Đánh giá hoạt động quan hệ cổ đông năm 2016

Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông

Là công ty chứng khoán cổ phần và hoạt động nhiều năm trên thị trường, MSC đặc biệt chú trọng tới hoạt động quan hệ cổ đông. Thực tế, hoạt động này đã tạo dựng niềm tin lâu dài giữa MSC và Nhà đầu tư, điều này là động lực không nhỏ đóng góp vào sự phát triển của MSC trong thời gian qua. Hoạt động quan hệ cổ đông tại MSC được định hướng và triển khai theo nguyên tắc căn bản và quan trọng nhất là thực hiện đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đảm bảo đối xử bình đẳng với cổ đông.

Các nội dung quan trọng được Đại Hội đồng Cổ đông thường niên 2016 MSC thông qua

Nội dung	DHĐCĐ năm 2016 của MSC đã biểu quyết thông qua
Hoạt động kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 và báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty Thông qua kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2016
Các báo cáo	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua báo cáo hoạt động năm 2015 và định hướng hoạt động năm 2016 của Hội đồng Quản trị Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát, kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán của ban Kiểm soát Công ty
Bầu HĐQT, Ban kiểm soát	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua số lượng thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty Bầu và thông qua kết quả bầu Hội đồng Quản trị Công ty Bầu và thông qua kết quả bầu Ban Kiểm soát Công ty
Các nội dung khác	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua sửa đổi Điều lệ theo Luật Doanh nghiệp và mẫu điều lệ của công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BTC Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính Công ty trong năm 2016 Thông qua kế hoạch trả thù lao năm 2016 cho HĐQT, Ban kiểm soát

Đảm bảo quyền tiếp cận thông tin

Quyền được tiếp cận thông tin của cổ đông được MSC quy định rõ trong Điều lệ Công ty, đảm bảo các cổ đông được tiếp cận đầy đủ các thông tin về Công ty kịp thời và chính xác. Các thông tin được cung cấp bao gồm thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, thông tin liên quan tới các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, các báo cáo về tình hình quản trị công ty, thay đổi về nhân sự chủ chốt, thông tin liên quan tới quyền và lợi ích của cổ đông hoặc những thay đổi bất thường trong hoạt động kinh doanh... đều được Công ty công bố nhanh chóng kịp thời trên các kênh công bố thông tin của công ty và thông qua hệ thống công bố thông tin tại các cơ quan quản lý như Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các Sở giao dịch chứng khoán.

MSC đảm bảo quyền tiếp cận thông tin cho cổ đông trước mỗi kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông, theo đó Công ty tiến hành các trình tự, thủ tục tuân thủ quy định pháp luật nhằm đảm bảo quyền tham gia và biểu quyết của cổ đông. Thư mời họp, thông tin về thời gian, địa điểm, nội dung chương trình nghị sự, tài liệu họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên 2016 được gửi trực tiếp tới cổ đông theo phương thức và thời gian theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện đăng tải toàn bộ tài liệu về Đại Hội đồng Cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty nhằm tạo điều kiện tiếp cận thông tin nhanh chóng và thuận tiện cho các cổ đông.

Ngoài, ra trong những năm qua, bộ phận quan hệ cổ đông của MSC đã làm tốt chức năng là cầu nối gắn kết các cổ đông, nhà đầu tư và doanh nghiệp thông qua việc chủ động tổ chức các cuộc gặp gỡ, trao đổi với nhà đầu tư, tổ chức nhằm tiếp cận và giải đáp những thắc mắc cũng như cung cấp những thông tin về tình hình kinh doanh, chiến lược phát triển của MSC.

Chủ động, minh bạch thông tin để tạo dựng niềm tin với cổ đông

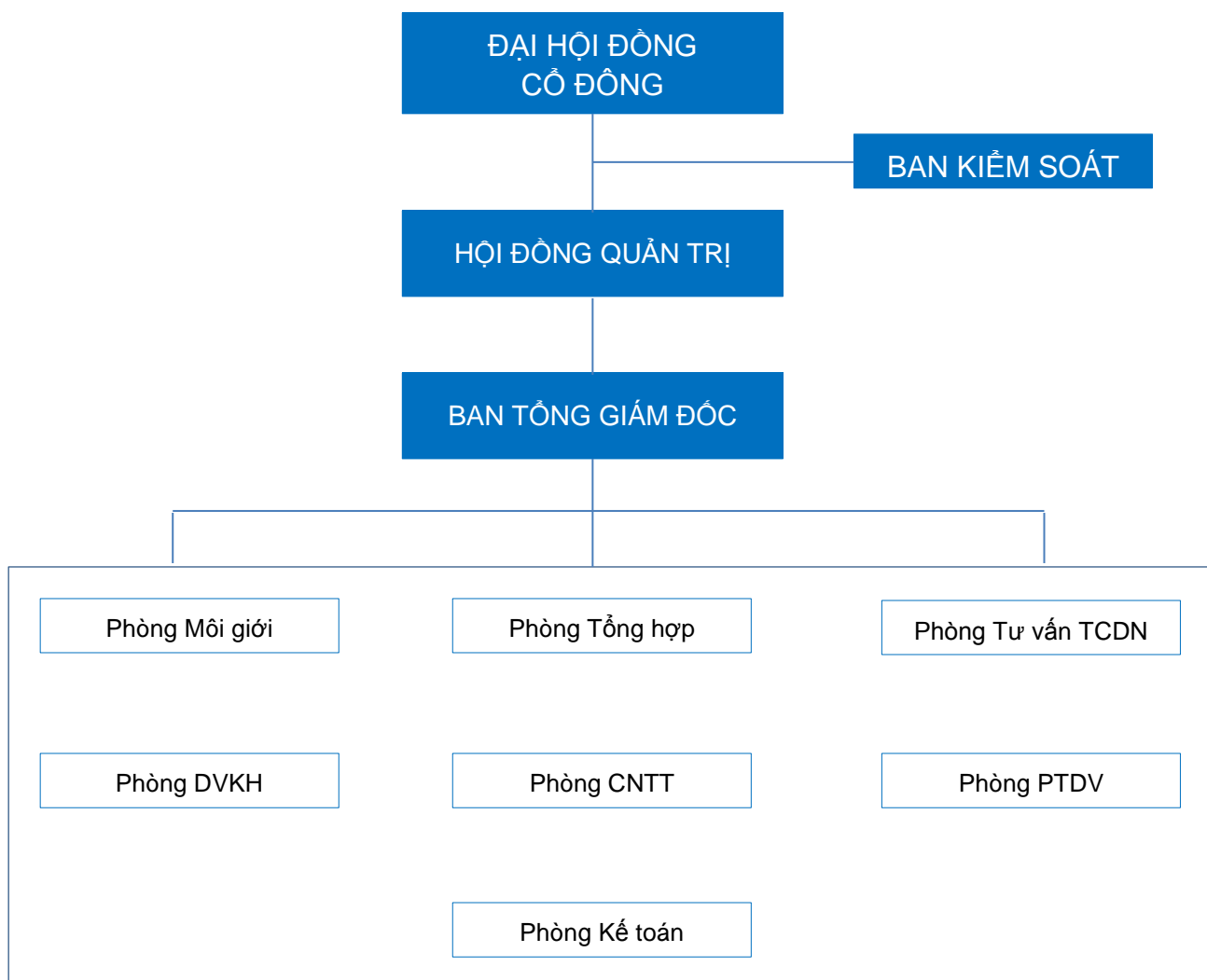
MSC xây dựng một quy trình công bố thông tin chuẩn mực trên cơ sở tuân thủ quy định của Bộ Tài chính và Quy chế tại các Sở giao dịch. Trang thông tin điện tử của Công ty được nâng cấp liên tục để đảm bảo là phương tiện công bố thông tin chính thống, hiệu quả, hỗ trợ đắc lực trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo quy định. Trên trang điện tử của mình, Công ty đã xây dựng riêng một mục Thông tin công bố trong đó liên tục cập nhật các báo cáo tài chính kiểm toán, thông tin về cổ đông và cổ phiếu, các biên bản họp và các thông báo, nghị quyết.

3.3. Định hướng hoạt động quan hệ cổ đông năm 2017

Năm 2017, mục tiêu của Công ty là ổn định hoạt động và tăng trưởng kinh doanh nhằm phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh doanh, bảo toàn và tăng trưởng vốn cho cổ đông. Bên cạnh đó, việc chủ động việc kết hợp Công bố thông tin với truyền thông ra công chúng sẽ là định hướng được MSC đẩy mạnh triển khai nhằm mở rộng thêm độ phủ về thông tin tới các cổ đông của MSC nói riêng và Khách hàng, Nhà đầu tư trên thị trường nói chung.

CHƯƠNG II – QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. CƠ CẤU TỔ CHỨC



2. NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Hội đồng Quản trị:

Bà Lê Quỳnh Trang	: Chủ tịch HĐQT	Đại diện và nắm giữ 9,9% cổ phần
Ông Hoàng Như Hải	: Thành viên HĐQT	Đại diện và nắm giữ 6,5% cổ phần
Ông Trần Tuấn Anh	: Thành viên HĐQT	Đại diện và nắm giữ 9,8% cổ phần
Bà Phan Thị Phương Thủy	: Thành viên HĐQT	Sở hữu 0 cổ phần
Ông Phạm Trí Thành	: Thành viên HĐQT	Sở hữu 0 cổ phần

Ban kiểm soát:

Bà Chu Thị Lụa	: Trưởng BKS
Bà Mai Thị Diệp	: Thành viên BKS
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	: Thành viên BKS

Ban Điều hành:

Ông Hoàng Như Hải	: Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Ngân	: Trưởng phòng Dịch vụ Khách hàng
Bà Phan Thị Phương Thủy	: Trưởng phòng Tài chính Doanh nghiệp
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	: Trưởng phòng Phát triển Dịch vụ
Ông Trần Mạnh Hải	: Trưởng phòng Công nghệ Thông tin

3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của MSC gồm 05 thành viên. Trong năm 2016, MSC có một số thay đổi về Hội đồng Quản trị, cụ thể:

Bảng 2.1: Thay đổi Nhân sự Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là Thành viên HĐQT
1	Ông Phạm Trí Thành	Chủ tịch HĐQT	Đến ngày 25/07/2016
2	Bà Lê Quỳnh Trang	Chủ tịch HĐQT	Kể từ ngày 25/07/2016
3	Ông Phạm Trí Thành	Thành viên HĐQT	Nhiệm kỳ 2015-2017
4	Bà Trần Thị Huệ Chi	Thành viên HĐQT	Đến ngày 21/07/2016
5	Bà Phan Thị Tuyết Nhung	Thành viên HĐQT	Đến ngày 21/07/2016
6	Ông Hoàng Như Hải	Thành viên HĐQT	Kể từ ngày 25/07/2016
7	Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	Kể từ ngày 25/07/2016
8	Bà Phan Thị Phương Thủy	Thành viên HĐQT	Nhiệm kỳ 2015-2017

3.2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2016

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị cũng như kế hoạch công tác năm 2016, Hội đồng Quản trị đã duy trì hoạt động với số lượng thành viên là 05 (năm) thành viên. Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng tháng và các cuộc họp bất thường được triệu tập khi có yêu cầu. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát với tư cách quan sát viên.

Cũng trong năm 2016, Hội đồng Quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định tập trung vào giải quyết chỉ đạo các nội dung quan trọng liên quan tới xây dựng chiến lược hoạt động của Công ty, triển khai kế hoạch kinh doanh, hoàn thiện các quy chế hoạt động để củng cố hệ thống quản trị của Công ty.

4. BAN KIỂM SOÁT

4.1. Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát MSC gồm 03 người. Kỳ họp Đại Hội đồng cổ đông trong năm 2017 diễn ra đã bầu lại Ban kiểm soát mới (nhiệm kỳ 2015 – 2017), cụ thể:

Bảng 2.2: Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS
1	Bà Chu Thị Lựa	Trưởng BKS	25/07/2016
2	Bà Mai Thị Diệp	Thành viên BKS	25/07/2016
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Thành viên BKS	25/07/2016

4.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2016

Căn cứ theo quy định tại Điều lệ Công ty về vai trò chức năng của Ban Kiểm soát, trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã có các hoạt động giám sát đối với Công ty như sau:

- Thực hiện giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị:
 - Thực hiện giám sát, kiểm tra, kiểm soát theo định kỳ việc tuân thủ các quy định Pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty, thực hiện Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; việc tuân thủ các quy trình, quy chế Công ty trong công tác quản trị rủi ro và điều hành tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh.
 - Tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị, nắm bắt và giám sát tình hình quản lý của Hội đồng Quản trị, kiến nghị một số biện pháp trong tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện giám sát về mặt tài chính: Thực hiện giám sát việc công bố các Báo cáo tài chính của Công ty phù hợp với các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Các báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm được soát xét, kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K theo đúng quy định ban hành của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Thực hiện giám sát đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc: Giám sát vai trò quản lý, điều hành công ty của các Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.
- Thực hiện giải quyết kiến nghị của Cổ đông: trong năm 2016, Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị, khiếu nại nào của Cổ đông về hoạt động của Công ty.

4.3. Một số đánh giá của Ban Kiểm soát về hoạt động Công ty

Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị đã tiến hành các cuộc họp theo quy định để triển khai các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, phù hợp với tình hình hoạt động Công ty. Các cuộc họp đều tuân thủ quy định, quy chế của Công ty. Ban Kiểm soát cũng đã được cung cấp đầy đủ các Công văn, Nghị quyết, Biên bản các cuộc họp Hội đồng Quản trị.
- Trong các phiên họp, các thành viên của Hội đồng Quản trị đều tham gia đầy đủ, làm việc trách nhiệm, tuân thủ pháp luật và đặt lợi ích Công ty lên hàng đầu nhằm đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời phục vụ hoạt động kinh doanh Công ty.

- Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị tuân thủ đúng theo điều lệ công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Hội đồng Quản trị cũng đã thực hiện việc công bố thông tin định kỳ, đột xuất theo đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và của Pháp luật.

Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát không nhận thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng Quản trị.

Hoạt động của Ban Điều hành:

- Ban Điều hành, đại diện là Tổng Giám đốc đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị. Trong quá trình điều hành, Ban Điều hành đã có báo cáo về tình hình hoạt động trong tháng và kế hoạch, định hướng dự kiến của tháng tiếp theo báo cáo Hội đồng Quản trị.
- Cung cấp đầy đủ tài liệu cho Ban Kiểm soát phục vụ việc kiểm tra, giám sát.

Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát không nhận thấy điều gì bất thường trong các hoạt động của Tổng Giám đốc Công ty.

Việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính

- Các Báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2016 đã được tổng hợp và lập trên cơ sở lựa chọn các tiêu chí kế toán thích hợp và nhất quán, thực hiện đánh giá hợp lý, thận trọng, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định chuẩn mực kế toán và Chế độ kiểm toán Việt Nam. Các Báo cáo tài chính được trình bày đầy đủ, rõ ràng các thông tin và khoản mục, được soát xét, kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K và không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.
- Các chính sách kế toán, tài chính, thuế có sự thay đổi trong năm 2016 của Nhà nước đã được Công ty áp dụng và thực hiện nhất quán theo quy định và được thuyết minh cụ thể trên Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.

Qua quá trình giám sát và kết hợp việc thống nhất ý kiến với các kiểm toán viên độc lập, Ban Kiểm soát nhận thấy Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các tiêu chuẩn trọng yếu, tình hình tài chính Công ty ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, các quy định về kiểm toán áp dụng cho công ty chứng khoán, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính.

5. CƠ CẤU LAO ĐỘNG

5.1. Đội ngũ lao động

Số lượng và cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 là 15 người trong đó 100% trình độ Đại học hoặc trên Đại học. Nhân viên của MSC đều trải qua quá trình tuyển dụng, đào tạo kỹ càng, bài bản.

Cơ cấu lao động chi tiết được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 2.3: Tình hình lao động của MSC

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo trình độ	15	
1. Trình độ trên đại học	01	6,67%
2. Trình độ đại học	14	93,33%
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	-	0%
4. Lao động khác	-	0%
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	15	
1. Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	01	6,67%
2. Hợp đồng lao động xác định thời hạn (1-3 năm)	14	93,33%
3. Hợp đồng lao động xác định thời hạn (dưới 1 năm)	-	0%
4. Hợp đồng thử việc	-	0%

Nguồn: MSC

5.2. Chính sách liên quan đến người lao động

Với phương châm con người là yếu tố quyết định sự thành công của Doanh nghiệp, Ban Lãnh đạo của MSC luôn coi trọng công tác chăm lo bồi dưỡng, giáo dục bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của CBCNV và quan tâm, chăm lo, động viên con em CBCNV.

Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần. Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản được bảo đảm theo đúng quy định của Bộ luật lao động.
- Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, đầy đủ tiện nghi.
- 100% CBCNV được đóng BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, chăm sóc dưỡng sức phục hồi sức khỏe, hưởng các chế độ phúc lợi như lễ, Tết, phép năm.
- Chính sách đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhân viên. Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, hàng năm Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện... Kết quả sau mỗi khoá học được báo cáo đầy đủ ngay để Công ty đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo. Những cán bộ công nhân viên được cử đi học được Công ty hỗ trợ chi phí học tập và tạo điều kiện về thời gian.

Chính sách lương và thưởng:

- Công ty có chế độ lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề và bảo đảm quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, chất lượng hoàn thành công việc, Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện công việc.
- Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên, tổ chức đi nghỉ mát, duy trì phong trào Văn - Thể - Mỹ. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Sau 14 năm thành lập và hoạt động, với bề dày lịch sử, hiện nay MSC cung cấp các sản phẩm dịch vụ từ môi giới - giao dịch, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp... cho khách hàng. Tôn chỉ của MSC là tạo ra giá trị gia tăng cho tổ chức phát hành và nhà đầu tư thông qua việc cung cấp các dịch vụ chứng khoán chất lượng cao, dựa trên các tiêu chí:

Tín nhiệm: Lợi ích của khách hàng luôn được đặt lên hàng đầu. Bằng sự tôn trọng, MSC luôn nỗ lực tạo dựng sự tin tưởng, hiểu biết và hợp tác lâu dài với các khách hàng của mình.

Tâm huyết: Không thể tìm thấy ở các công ty khác sự cống hiến tận tâm đối với công ty và những nỗ lực hết mình trong công việc như đội ngũ nhân viên của chúng tôi. Chúng tôi cho rằng đây là một phần rất quan trọng làm nên sự thành công của MSC.

Trung thực: Trung thực là một trong những nguyên tắc cốt lõi xuyên suốt trong hoạt động kinh doanh của MSC. Chúng tôi đặt ra yêu cầu cao đối với các nhân viên về việc duy trì các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc.

Chuyên nghiệp: MSC luôn coi lợi ích của khách hàng là ưu tiên hàng đầu. Trong hoạt động cung cấp các dịch vụ, chúng tôi luôn đảm bảo quyền lợi cho khách hàng với trình độ chuyên môn và tác phong làm việc chuyên nghiệp.

Hoàn thiện: MSC tự hào về chất lượng chuyên môn của các dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Cam kết đảm bảo sự phân tích toàn diện, chú ý đi sâu vào chi tiết và liên tục hoàn thiện là nền tảng trung tâm của phương pháp tiếp cận của chúng tôi.

Sáng tạo: Mục tiêu phát triển không ngừng được thấm nhuần trong văn hoá công ty ở mọi cấp độ. MSC luôn tìm kiếm các giải pháp có tính sáng tạo, đem lại hiệu quả cao hơn cho những vấn đề mà khách hàng đặt ra.

Làm việc theo Nhóm: MSC cam kết duy trì một đội ngũ nhân viên hàng đầu đa chức năng có khả năng đáp ứng tối đa các nhu cầu của khách hàng. Chú trọng làm việc theo nhóm để tạo ra giá trị cộng hưởng là một trong những nguyên tắc hoạt động chính của Công ty.

Bên cạnh mục tiêu đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển bền vững. Tại MSC, con người luôn là yếu tố hàng đầu được chú trọng, Công ty luôn hỗ trợ, thúc đẩy cũng như xây dựng các chương trình để cán bộ nhân viên Công ty tham gia học tập, nâng cao năng lực.

7. KIỂM SOÁT RỦI RO

7.1. Xác định rủi ro

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Thị trường chứng khoán nói chung và hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán nói riêng là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó. MSC chủ trương xác định các yếu tố rủi ro chính và xây dựng một hệ thống cũng như các biện pháp cụ thể để kiểm soát và loại trừ các rủi ro hiện hữu và tiềm ẩn này. Tóm lược các yếu tố rủi ro chính như sau:

Rủi ro thị trường

Thị trường tài chính và thị trường chứng khoán được coi là phong vũ biểu của nền kinh tế, điều này cũng có ý nghĩa thị trường chứng khoán chịu ảnh hưởng trực tiếp của các chính sách vĩ mô, mức độ tăng trưởng của nền kinh tế, các yếu tố khác của nền kinh tế như: lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính.... Việc biến động trong các yếu tố như tốc độ tăng trưởng, tỷ giá hối đoái, mức độ thanh khoản của thị trường, chi phí vốn... v.v, sẽ tác động trực tiếp đến thị trường từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro luật pháp

Là Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các Luật, Nghị định... liên quan đến Luật doanh nghiệp, thuế,... Bên cạnh đó, Công ty hoạt động trong lĩnh vực đặc thù là lĩnh vực chứng khoán nên công ty cũng chịu sự điều chỉnh của các quy định khác về chứng khoán.

Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Thời gian qua hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng tích cực và thuận lợi cho Doanh nghiệp, giúp cho Công ty có hướng đi đúng và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty luôn bảo đảm theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả.

Rủi ro vận hành

Các yếu tố như hệ thống vận hành, sự cố kỹ thuật của hệ thống IT, hành vi gian lận, lừa đảo hoặc tắc trách của nhân viên... cũng có những ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự vận hành bình thường của hoạt động kinh doanh công ty như lỗi, gián đoạn kinh doanh, giấy phép bị tạm thu hồi, uy tín ảnh hưởng...

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

7.2. Đánh giá hoạt động quản trị rủi ro

Nhận thức được tính chất quan trọng của việc kiểm soát rủi ro trong hoạt động của Công ty, MSC đang từng bước xây dựng và tiến hành hệ thống kiểm soát nội bộ. Cụ thể là MSC đã xây dựng các quy chuẩn về hành xử đạo đức nghề nghiệp cho nhân viên, tổ chức một số buổi tập huấn chuyên môn cho bộ phận nghiệp vụ môi giới, chăm sóc khách hàng. Một số quy trình nghiệp vụ như quy trình mở tài khoản, quy trình chăm sóc khách hàng... đều đã được xây dựng và hoàn thiện. Ban Lãnh đạo MSC xác định hoạt động kiểm soát tuân thủ nội bộ là nguồn thông tin quan trọng giúp Hội đồng Quản trị, cổ đông nắm rõ hoạt động công ty và có chính sách, chiến lược phù hợp.

CHƯƠNG III: BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động Công ty năm 2016

Trong năm 2016, với sự nỗ lực của toàn thể đội ngũ cán bộ, đặc biệt là sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo, Công ty đã đạt được nhiều kết quả khả quan.

- Trong năm, Công ty đã thực hiện tập trung cơ cấu tài chính, thu hồi hầu như hết các khoản công nợ khó đòi. Thực hiện ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới và đồng bộ. Công ty cũng chuyển địa chỉ trụ sở chính về 46 Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, địa điểm phù hợp, thuận tiện cho Khách hàng và hoạt động ổn định, lâu dài. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã đầu tư mới hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, nhằm cung cấp tốt nhất các dịch vụ đáp ứng nhu cầu của Khách hàng.
- Đội ngũ nhân sự của Công ty cũng đảm bảo chất lượng trong dài hạn. Tới nay, tổng số nhân sự của Công ty là 15 người. Các nhân sự thực hiện nghiệp vụ Môi giới chứng khoán, Tư vấn tài chính đều có chứng chỉ hành nghề và đã báo cáo, đăng ký với UBCKNN đầy đủ, đúng quy định.
- Với sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Lãnh đạo và nỗ lực của toàn thể đội ngũ, hoạt động kinh doanh của Công ty đạt kết quả tốt nhất trong 3 năm trở lại đây với tổng doanh thu đạt 1.804.621.141 đồng, tăng 75,99% so với năm 2015. Lợi nhuận sau thuế đạt 10.196.661.332 đồng.

1.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc dựa trên các tiêu chí sau:

- Thông qua cơ chế báo cáo định kỳ: Trong quá trình hoạt động, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, bán niên và thường niên về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty. Ngoài ra, công tác giám sát còn được triển khai thông qua các chỉ đạo Công ty rà soát lại các quy chế, quy trình nhằm củng cố tổ chức hoạt động đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, hoạt động minh bạch.
- Thông qua các chỉ đạo, nghị quyết của HĐQT tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị năm 2016.
- Thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát: HĐQT đã phối hợp tích cực với Ban Kiểm soát, dưới sự giám sát hoạt động của Ban Kiểm soát để duy trì sự an toàn và hoàn thiện cơ chế hoạt động của MSC.

1.3. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2017

Trên cơ sở dự báo điều kiện kinh tế và tài chính năm 2017, HĐQT đã thống nhất về định hướng hoạt động của Công ty như sau:

Tập trung định hướng và chỉ đạo Công ty hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2017: Định hướng kinh doanh năm 2017 tiếp tục triển khai tất cả các nghiệp vụ kinh doanh, trong đó đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả. Phần đầu chỉ tiêu doanh thu trong năm 2017 tăng trưởng ít nhất 20% so với năm 2016.

Tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty thông qua các hoạt động sau:

- Chỉ đạo Công ty tiếp tục bám sát những thay đổi từ thị trường, quy định pháp luật để hoàn thiện chiến lược hoạt động Công ty năm 2017 phù hợp với điều kiện thị trường và định hướng Công ty.
- Tăng cường vai trò giám sát của HĐQT đối với hoạt động của Công ty thông qua việc rà soát, sửa đổi và ban hành mới các quy chế hoạt động, phân cấp quản trị, chế độ báo cáo cũng như công tác phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty.

2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2.1. Tình hình hoạt động năm 2016

Là công ty chứng khoán có nhiều năm hoạt động, am hiểu thị trường là những thế mạnh của MSC trong suốt thời gian qua. Bên cạnh đó, với việc tập trung nâng cao năng lực tài chính, đầu tư hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, kiểm soát vận hành hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả trong nhiều năm là những nhân tố thuận lợi để Công ty đạt kết quả khả quan trong hoạt động kinh doanh năm 2016.

Tuy nhiên, mạng lưới kinh doanh hiện tại còn khá mỏng, quy mô vốn chưa lớn là những khó khăn thách thức đối với MSC để có thể đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán, qua đó thúc đẩy tăng trưởng doanh thu và thị phần môi giới, nâng vị thế của MSC trên thị trường.

2.2. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016

- ***Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh***

Hoạt động của MSC tập trung vào hai nghiệp vụ gồm môi giới chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp. Trong năm 2016, Công ty tiếp tục duy trì hoạt động ổn định của mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp, và đẩy mạnh lại hoạt động môi giới và đạt được kết quả khả quan.

Hoạt động môi giới chứng khoán

Trong năm 2016 MSC đã tiến hành chuyển trụ sở chính về địa chỉ mới tại toà nhà 46 Ngụy Như Kon Tum, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội. Đây là địa điểm nằm trên mặt đường chính, giao thông thuận lợi, phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty. Cùng với việc thay đổi địa điểm trụ sở chính, Công ty cũng đã đầu tư mới hệ thống công nghệ thông tin bao gồm cả phần cứng và phần mềm nhằm đáp ứng các yêu cầu của công ty chứng khoán, cũng như nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Phần mềm MSC đang sử dụng là phần mềm Goline Applications – phiên bản 4.5 do CTCP Công nghệ Tin học và Dịch vụ Goline phát triển. Phần mềm hiện đang được rất nhiều Công ty Chứng

khoán đang sử dụng. Phần mềm đáp ứng đầy đủ các chức năng để kết nối trực tuyến với Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD). Tất cả các công tác chuẩn bị, kiểm tra kết nối trực tuyến chính thức với HSX, HNX và VSD tại trụ sở mới đều đã được hoàn thành và vận hành ổn định.

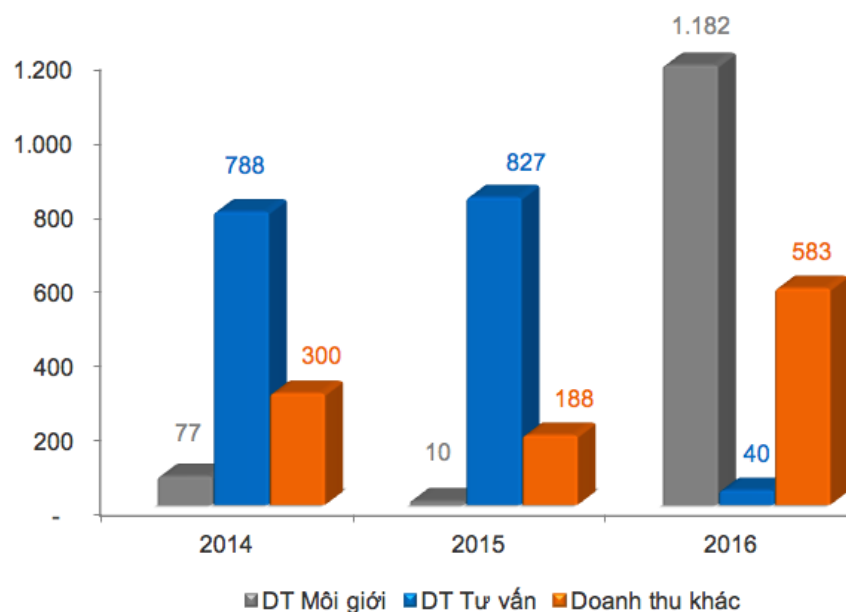
Nhờ hệ thống giao dịch tiện ích, trong năm 2016 tổng giá trị giao dịch nhà đầu tư tại MSC đã tăng trưởng mạnh so với năm 2015. Doanh thu môi giới năm 2016 của Công ty là 1.182.468.640 đồng.

Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp

Bộ phận tư vấn tài chính được phát triển từ đội ngũ tư vấn tài chính doanh nghiệp được thành lập vào năm 2003, chuyên cung cấp các dịch vụ tư vấn cổ phần hóa và tư vấn phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng cho hàng trăm doanh nghiệp trên cả nước. Hiện tại, MSC cung cấp đầy đủ các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng bao gồm: tư vấn phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO), tư vấn huy động vốn, phát hành trái phiếu, tư vấn cho các giao dịch mua bán, sáp nhập (M&A), tư vấn niêm yết...

Năm 2016, mặc dù Công ty tập trung vào quá trình đầu tư nâng cấp công nghệ, ổn định địa điểm, nhân sự kinh doanh, cơ cấu lại tình hình tài chính, nhưng hoạt động tư vấn vẫn được chú trọng với việc tiếp tục ký kết các hợp đồng tư vấn mới.

Biểu đồ 3.1: Cơ cấu doanh thu từ Môi giới, Tư vấn và Khác của Công ty giai đoạn 2014-2016



Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016

- Tình hình tài chính**

Với mục tiêu năm 2016 là năm kết thúc việc cơ cấu lại hoạt động kinh doanh và là năm tiền đề cho sự phát triển trong thời gian tới. Công ty đã tập trung thu hồi khoản phải thu, thanh lý các khoản đầu tư tài chính để củng cố hoạt động tài chính, nâng cao khả năng an toàn tài chính của Công ty nhằm xây dựng nền tảng vững chắc cho Công ty trong quá trình kinh doanh sắp tới.

Cụ thể, năm 2016, MSC đã tập trung thu hồi thành công hầu như toàn bộ các khoản phải thu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty trước đây, đặc biệt các khoản phải thu tồn đọng, khó đòi. So với năm 2015, tổng các khoản phải thu chỉ còn 588.150.199 đồng, đã giảm đến 97,64%.

Bảng 3.1: Chi tiết khoản phải thu giai đoạn 2015-2016

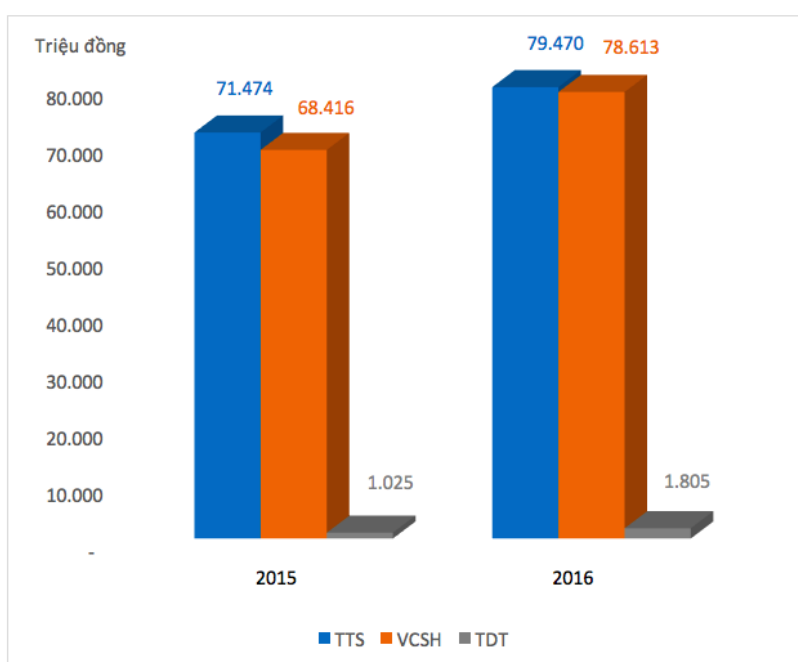
Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	2015	2016	% tăng giảm
Các khoản phải thu	2.000.000.000	83.738.695	-95,81%
<i>Phải thu bán các tài sản tài chính</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>0</i>	<i>-100,00%</i>
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC</i>	<i>0</i>	<i>83.738.695</i>	
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	50.000.001	10.053.915	-79,89%
Các khoản phải thu khác	22.842.774.172	494.357.589	-97,84%
TỔNG	24.892.774.173	588.150.199	-97,64%

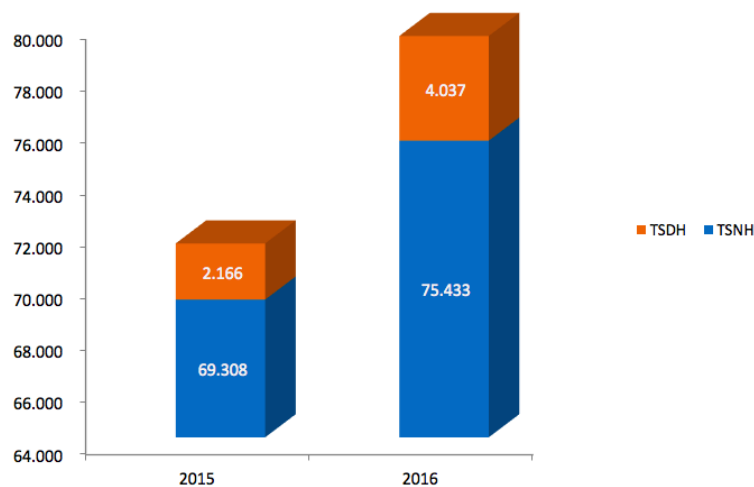
Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016

MSC cũng thực hiện thanh lý toàn bộ các khoản đầu tư tài chính (cổ phiếu chưa niêm yết) nhằm gia tăng nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh chính. Công ty cũng đã thanh toán hầu như toàn bộ các khoản công nợ. Hiện tại, Công ty không có khoản vay nào.

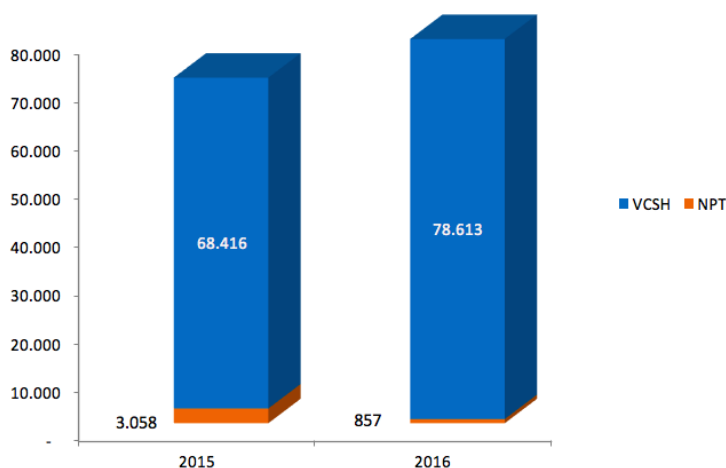
Biểu đồ 3.2: Tổng tài sản (TTS) - Vốn chủ sở hữu (VCSH) - Tổng doanh thu (TDT) giai đoạn 2015-2016



Biểu đồ 3.3: Cơ cấu Tài sản dài hạn (TSDH) và Tài sản ngắn hạn (TSNH)



Biểu đồ 3.4: Cơ cấu Vốn chủ sở hữu (VCSH) và Nợ phải trả (NPT)



Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016

Với kết quả từ việc thu hồi và hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu, thanh lý các tài sản đầu tư và sự ổn định, hiệu quả trong hoạt động kinh doanh đã giúp cho tổng tài sản của công ty năm 2016 tăng 11,19% so với năm 2015, lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt được 10.196.661.332 đồng khiến cho tỷ lệ lỗ gộp của Công ty hiện chỉ còn 22,71% vốn điều lệ. Nhờ đó, tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty ngày càng cải thiện và ở mức cao, duy trì trên mức 300% từ cuối năm 2015 và trên 840% vào cuối năm 2016.

Bảng 3.2: Chỉ tiêu an tài chính giai đoạn 2015-2016

Chỉ tiêu	Tỷ lệ an toàn tài chính/vốn khả dụng
Tại thời điểm 31/12/2015 (Đã được kiểm toán)	302,76%
Tại thời điểm 30/06/2016 (Đã được soát xét)	444,17%
Tại thời điểm 31/12/2016 (Đã được kiểm toán)	840,94%

CHƯƠNG IV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG – T.D.K

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính năm 2016 kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 10/GPHDKD ngày 18 tháng 02 năm 2003 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) cấp. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001480 lần đầu ngày 14/2/2002, đăng ký điều chỉnh lần thứ 2 ngày 22/5/2006. Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký Số 10/GCNTVLK do VSD cấp lần đầu ngày 01/05/2006; Số 10/GCNTVLK-7 sửa đổi lần thứ 7 ngày 13/12/2016.

Trụ sở hoạt động: Số 46 Nguyễn Như Kôn Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: **100.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng).**

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo:

Các thành viên Hội đồng quản trị:

Bà Lê Quỳnh Trang	Chủ tịch	Bầu ngày 25/07/2016
Ông Phạm Trí Thành	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/07/2016
Ông Trần Tuấn Anh	Ủy viên	Bầu ngày 25/07/2016
Ông Hoàng Như Hải	Ủy viên	Bầu ngày 25/07/2016
Bà Phan Thị Tuyết Nhung	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21/07/2016
Bà Trần Thị Huệ Chi	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21/07/2016
Bà Phan Thị Phương Thuý	Ủy viên	
Ông Vũ Văn Hùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2016

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Bà Chu Thị Lụa	Trưởng ban	Bầu ngày 25/07/2016
Bà Mai Thị Diệp	Ủy viên	Bầu ngày 25/07/2016
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Ủy viên	Bầu ngày 25/07/2016

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Như Hải	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 15/07/2016
-------------------	---------------	--------------------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã cung cấp đầy đủ các BCTC, sổ sách và chứng từ kế toán cho các Kiểm toán viên.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, thu nhập toàn diện, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho các năm tài chính tiếp theo.
- Công ty không thực hiện các giao dịch nào khác với các bên liên quan của Công ty.
- Chúng tôi cam kết các thông tin trên là trung thực, được phản ánh đầy đủ, đúng với các số liệu kế toán của Công ty cho năm tài chính này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, thu nhập toàn diện, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt
Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông

HOÀNG NHƯ HẢI
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2017



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 130.3/2016/BCKT/TC

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông, được lập ngày 05 tháng 01 năm 2017, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, Báo cáo thu nhập toàn diện, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông tại ngày 31/12/2016, cũng như thu nhập toàn diện, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



(Handwritten signature)

NGUYỄN TRUNG KIẾN

LƯU ANH TUẤN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1129-2014-045-1

Số: 1026-2014-045-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MÊ KÔNG

46 Nguyễn Như Kon Tum, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84) 4 6276 1818 - Fax: (+84) 4 6275 0077

Email: info@mekongsecurities.com.vn

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN

Năm 2016

Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG		7.21		
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1		0	1.825.072
<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ</i>	01.2	7.21.2	0	1.825.072
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	2		285.316.797	0
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	3		4.565.342	0
1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán	6	7.21.3	1.182.468.640	10.430.592
1.8. Doanh thu tư vấn	8	7.21.3	39.523.809	827.272.727
1.10. Doanh thu lưu ký chứng khoán	10	7.21.3	38.680.802	0
Cộng doanh thu hoạt động	20		1.550.555.390	839.528.391
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		2.468.084	0
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ</i>	21.2	7.21.2	2.468.084	0
2.4. Lỗ bán các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	24	7.21.1	13.584.000	0
2.7. Chi phí môi giới chứng khoán	27		762.120.039	0
2.9. Chi phí tư vấn	29		0	354.812.799
2.11. Chi phí lưu ký chứng khoán	31		63.097.306	0
2.12. Chi phí khác	32		386.761.315	922.125.195
<i>Trong đó: Chi phí sửa lỗi giao dịch chứng khoán, lỗi khác</i>	<u>33</u>	-	<u>0</u>	<u>0</u>
Cộng chi phí hoạt động	40		1.228.030.744	1.276.937.994
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		7.22		
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	42		254.065.751	183.732.330
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		254.065.751	183.732.330
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Cộng chi phí tài chính	60		0	0
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		0	0
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	7.23	(10.721.593.636)	8.480.820.949
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		11.298.184.033	(8.734.498.222)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.2. Chi phí khác	72	7.24	1.101.522.701	0
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(1.101.522.701)	0
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		10.196.661.332	(8.734.498.222)
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		10.196.661.332	(8.734.498.222)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		0	0
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	7.25	0	0


10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		0	0
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		0	0
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		10.196.661.332	(8.734.498.222)
11.1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201		10.196.661.332	(8.734.498.222)
11.2. Lợi nhuận sau thuế trích các Quỹ (Quỹ dự trữ điều lệ, Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo quy định của Điều lệ Công ty là ...%)	202		0	0

Người lập



VŨ THỊ KHUYÊN

Q. Kế toán trưởng



TRẦN TUẤN ANH

Lập, ngày 05 tháng 01 năm 2017



HOÀNG NHƯ HẢI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		75.433.234.882	69.308.145.891
I. Tài sản tài chính	110		75.329.656.348	69.189.590.891
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	7.1	44.278.937.786	50.088.555.252
1.1. Tiền	111.1		44.278.937.786	88.555.252
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		0	50.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7.3.1	26.310.858	26.310.858
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7.3.3	30.680.000.000	0
4. Các khoản cho vay	114	7.3.4	213.047.000	0
5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	7.3.2	0	5.802.224.000
6. Dự phòng suy giảm giá trị các TSTC và TS thế chấp	116	7.3.5	(15.866.890)	(13.398.806)
7. Các khoản phải thu	117		83.738.695	2.000.000.000
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	7.4.1	0	2.000.000.000
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	117.2	7.4.2	83.738.695	0
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	7.4.3	10.053.915	50.000.001
12. Các khoản phải thu khác	122	7.4.4	494.357.589	22.842.774.172
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	7.5	(440.922.605)	(11.606.874.586)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		103.578.534	118.555.000
1. Tạm ứng	131		0	5.000.000
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	7.13.1	103.578.534	113.555.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.036.926.194	2.165.702.096
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		1.101.278.906	0
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.11	734.120.689	0
- Nguyên giá	222		1.276.347.744	3.422.597.897
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(542.227.055)	(3.422.597.897)
3. Tài sản cố định vô hình	227	7.12	367.158.217	0
- Nguyên giá	228		380.000.000	7.555.205.543
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(12.841.783)	(7.555.205.543)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	250		2.935.647.288	2.165.702.096
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		48.000.000	0
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	7.13.2	557.824.013	0
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	7.14	2.329.823.275	2.165.702.096
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		79.470.161.076	71.473.847.987

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		857.165.842	3.057.514.085
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		857.165.842	3.057.514.085
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	7.6	27.921.777	0
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	7.9	395.354.169	752.590.181
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		353.156.859	455.818.182
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	7.7	40.733.037	1.169.528.732
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		0	315.727.990
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	7.8	40.000.000	80.000.000
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	7.10	0	283.849.000
II. Nợ phải trả dài hạn	340		0	0
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		78.612.995.234	68.416.333.902
I. Vốn chủ sở hữu	410		78.612.995.234	68.416.333.902
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		100.000.000.000	100.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông	411.1a		100.000.000.000	100.000.000.000
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		1.321.976.000	1.321.976.000
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	7.15	(22.708.980.766)	(32.905.642.098)
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(22.708.980.766)	(32.905.642.098)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		0	0
TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	430		78.612.995.234	68.416.333.902
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		79.470.161.076	71.473.847.987
LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ	450			
1. Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm	451		0	0

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
6. Cổ phiếu đang lưu hành (ĐVT: cổ phiếu)	006		10.000.000	10.000.000
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	7.16	8.550.000	7.190.000
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>008.1</i>		<i>8.550.000</i>	<i>7.190.000</i>
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	7.17	0	4.423.070.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (ĐVT: cổ phiếu)	021	7.18	162.152.070.000	22.078.140.000
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>		<i>162.152.070.000</i>	<i>22.024.070.000</i>
<i>b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>021.2</i>		<i>0</i>	<i>53.660.000</i>
<i>c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	<i>021.3</i>		<i>0</i>	<i>410.000</i>
6. Tiền gửi của khách hàng	026	7.19	19.411.194.816	12.568.215.783
6.1. Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	027		12.215.904.133	11.626.675.807
<i>a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>027.1</i>		<i>12.215.904.133</i>	<i>11.626.675.807</i>
6.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	028		7.195.290.683	941.539.976
<i>a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>028.1</i>		<i>7.195.290.683</i>	<i>941.539.976</i>
7. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030	7.20	19.411.194.816	12.354.334.910
<i>7.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>030.1</i>		<i>8.737.339.756</i>	<i>1.144.990.827</i>
<i>7.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>030.2</i>		<i>10.673.855.060</i>	<i>11.209.344.083</i>

Người lập

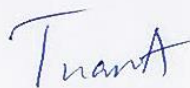
Q. Kế toán trưởng

Lập, ngày 05 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc



VŨ THỊ KHUYÊN



TRẦN TUẤN ANH



HOÀNG NHƯ HẢI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			0	0
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		10.196.661.332	(8.734.498.222)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02			
- Khấu hao TSCĐ	03		39.083.494	0
- Các khoản dự phòng	04		(11.163.483.897)	7.966.924.928
- Chi phí phải trả, chi phí trả trước	06		(587.847.547)	0
5. Thay đổi tài sản và nợ phải trả hoạt động	30			
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(30.680.000.000)	0
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(213.047.000)	0
- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		5.802.224.000	0
- Tăng (giảm) các tài sản khác	35		(207.121.179)	0
- Tăng (giảm) các khoản phải thu	36		(183.793.610)	0
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	43		2.000.000.000	0
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	45		39.946.086	0
- (+) Tăng, (-) giảm các khoản phải thu khác	47		22.348.416.583	770.525.759
- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho người bán	48		(357.236.012)	(511.419.059)
- (+) Tăng, (-) giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	50		(1.128.795.695)	0
- (+) Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác	51		(702.238.313)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(4.797.231.758)	(508.466.594)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(1.140.362.400)	0
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	65		127.976.692	183.732.330
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(1.012.385.708)	183.732.330
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		0	0
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		(5.809.617.466)	(324.734.264)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101		50.088.555.252	50.413.289.516
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	102		50.087.271.629	50.410.359.129
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	102.1		87.271.629	410.359.129
- Các khoản tương đương tiền	102.2		50.000.000.000	50.000.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103		44.278.937.786	50.088.555.252
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	104		44.275.637.451	50.087.271.629
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	104.1		44.275.637.451	87.271.629
- Các khoản tương đương tiền	104.2		0	50.000.000.000

CK - BÁO CÁO LCTT HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC

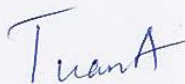
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		188.041.786.300	0
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(268.835.869.400)	0
5. Thu tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng	05		584.667.434	0
6. Chi tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng	06		(121.173.305.301)	0
9. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	09		208.225.700.000	247.756.013
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		6.842.979.033	247.756.013
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		12.568.215.783	12.320.459.770
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		12.568.215.783	12.320.459.770
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		11.626.675.807	11.897.929.900
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	35		941.539.976	422.529.870
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		19.411.194.816	12.568.215.783
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		19.411.194.816	12.560.825.400
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		12.215.904.133	11.619.285.424
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	45		7.195.290.683	941.539.976

Người lập



VŨ THỊ KHUYÊN

Q. Kế toán trưởng



TRẦN TUẤN ANH

Lập, ngày 05 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc



HOÀNG NHƯ HẢI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

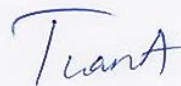
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu		Số tăng/ giảm				Số dư cuối	
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2015	Năm 2016
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000	0	0	0	0	100.000.000.000	100.000.000.000
1.1. Vốn pháp định		100.000.000.000	100.000.000.000	0	0	0	0	100.000.000.000	100.000.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		1.321.976.000	1.321.976.000	0	0	0	0	1.321.976.000	1.321.976.000
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(24.171.143.876)	(32.905.642.098)	0	8.734.498.222	10.196.661.332	0	(32.905.642.098)	(22.708.980.766)
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện		(24.171.143.876)	(32.905.642.098)	0	8.734.498.222	10.196.661.332	0	(32.905.642.098)	(22.708.980.766)
Cộng		77.150.832.124	68.416.333.902	0	8.734.498.222	10.196.661.332	0	68.416.333.902	78.612.995.234
II. Thu nhập toàn diện khác									
Cộng		0	0	0	0	0	0	0	0

Người lập



VŨ THỊ KHUYÊN

Q. Kế toán trưởng



TRẦN TUẤN ANH

Lập, ngày 05 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc



HOÀNG NHƯ HẢI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 10/GPHDKD ngày 18 tháng 02 năm 2003 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) cấp. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001480 lần đầu ngày 14/2/2002, đăng ký điều chỉnh lần thứ 2 ngày 22/5/2006. Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký Số 10/GCNTVLK do VSD cấp lần đầu ngày 01/05/2006; Số 10/GCNTVLK-7 sửa đổi lần thứ 7 ngày 13/12/2016.

1.2. *Trụ sở hoạt động:* Số 46 Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

1.3. *Điều lệ hoạt động CTCK:* Được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 và ban hành ngày 27/06/2016 sửa đổi ngày 19/12/2016.

1.4. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Dịch vụ lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính.

1.5. Quy mô vốn

Vốn điều lệ của Công ty là: **100.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng).

Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2016:

STT	Tên thành viên góp vốn	Số cổ phần nắm giữ	Số vốn tương ứng (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	CTCP Đầu tư Phát triển Con Đường Xanh	990.000	9.900.000.000	9,90%
2	CTCP Logistics Con Đường Xanh	990.000	9.900.000.000	9,90%
3	Lê Quỳnh Trang	990.000	9.900.000.000	9,90%
4	Trần Tuấn Anh	980.000	9.800.000.000	9,80%
5	Trần Thị Qua	980.000	9.800.000.000	9,80%
6	Nguyễn Hồng Phong	980.000	9.800.000.000	9,80%
7	Nguyễn Minh Hoàng	980.000	9.800.000.000	9,80%
8	Lê Quỳnh Anh	980.000	9.800.000.000	9,80%
9	Lương Thị Khánh Ly	980.000	9.800.000.000	9,80%
10	Hoàng Như Hải	650.000	6.500.000.000	6,50%
11	Các cổ đông khác	500.000	5.000.000.000	5,00%
	Tổng cộng	10.000.000	100.000.000.000	100,00%

1.6. *Hạn chế đầu tư và cho vay:* theo Điều 43, 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

2.1. Kỳ kế toán:

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

3.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210 ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

4.1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, Tiền gửi của Tổ chức phát hành, Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các tài sản tài chính có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận các tài sản tài chính:

4.2.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các tài sản được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua các hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời như: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh.

Các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc.

4.2.2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, có kỳ đáo hạn cố định mà công ty chứng khoán có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn phải được xác định giá trị ban đầu theo giá trị cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua hoặc phát hành các tài sản tài chính này.

4.2.3. Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các cam kết cho vay phát sinh bao gồm:

+ Cam kết cho vay theo hợp đồng margin hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng;

Các khoản cho vay được Công ty thực hiện phân loại theo hai phương pháp: định tính và định lượng theo 05 nhóm theo quy định, như sau:

- + Nhóm 1: Nợ đủ tiêu chuẩn thực hiện cam kết vay,
- + Nhóm 2: Nợ cần chú ý;
- + Nhóm 3: Nợ dưới tiêu chuẩn;
- + Nhóm 4: Nợ nghi ngờ;
- + Nhóm 5: Nợ có khả năng mất vốn.

Công ty có quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý tiền cho vay, chính sách dự phòng rủi ro.

Khi phát sinh rủi ro cho vay là tổn thất có khả năng xảy ra nếu khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các cam kết vay thì Công ty thực hiện lập dự phòng rủi ro cụ thể và dự phòng chung cho những tổn thất có thể xảy ra. Mức trích lập cụ thể được thực hiện theo quy định của Thông tư số 210/2014.

4.2.4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán:

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán, được công ty chứng khoán đầu tư nhưng không có mục tiêu ngắn hạn và kể cả dài hạn cũng chưa xác định được.

Xác định giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán (bao gồm cả các công cụ phái sinh) theo giá trị hợp ký mà không được giảm trừ cho bất kỳ khoản chi phí giao dịch nào có thể phát sinh trong quá trình bán và thanh lý các tài sản này, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy (những tài sản này phản ánh theo giá gốc).

4.2.5. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính:

a, Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán lập dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá đầu tư} \\ \text{chứng khoán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng chứng khoán} \\ \text{bị giảm giá tại thời} \\ \text{điểm lập báo cáo tài} \\ \text{chính} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán hạch} \\ \text{toán trên sổ kế} \\ \text{toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán thực tế} \\ \text{trên thị trường} \end{array}$$

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

b, Cuối niên độ kế toán, khi giá trị của tài sản nhận thế chấp (tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý) bị giảm thấp hơn giá trị khoản cho vay thì lập dự phòng giảm giá tài sản thế chấp.

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá các tài} \\ \text{sản tài chính} \\ \text{nhận thế chấp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị khoản cho vay tính} \\ \text{theo giá trị trường hoặc giá trị} \\ \text{hợp lý theo cam kết tại Hợp} \\ \text{đồng vay có tài sản thế chấp} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị tài sản thuần của tài} \\ \text{sản nhận thế chấp tính theo} \\ \text{giá trị thị trường hoặc giá} \\ \text{trị hợp lý} \end{array}$$

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

4.3.1. Nguyên tắc ghi nhận:

Phải thu bán các tài sản tài chính bao gồm: phải thu về bán, thu hồi khi đáo hạn khoặc thanh lý các tài sản tài chính; giá trị khớp lệnh bán các tài sản tài chính; thanh lý tài sản cố định, bất động sản đầu tư...

Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp bao gồm: các khoản phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán với Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và các đối tượng khác về phí môi giới, phí tư vấn, phí lưu ký, phí bảo lãnh và các loại phí của các dịch vụ khác do công ty chứng khoán cung cấp.

4.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ khó đòi được xác định như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phần mềm	07 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả hộ cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả tổ chức phát hành

Phải trả tổ chức phát hành phản ánh tình hình nhận và thanh toán cho Tổ chức phát hành về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do CTCK thực hiện, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán

Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán phản ánh số hiện có và tình hình biến động về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý và ngân hàng thương mại quản lý.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh tình hình thanh toán với Sở GDCK và Trung tâm lưu ký CK về phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, phí bù trừ thanh toán chứng khoán.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc

phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: Phí kiểm toán.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

4.8.1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu: ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

4.8.2. Các Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu: được ghi nhận theo quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông.

4.8.3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước, bao gồm: Lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

4.9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

4.9.1. Doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh

Thu nhập bán các tài sản tài chính: được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính đã bán ra

Các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính: Lãi cho vay từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán; Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các tài sản tài chính, tiền lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định mà không bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư vào công ty con (các khoản thu nhập này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính).

4.9.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng được thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động, bao gồm:

Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán: Là khoản phí môi giới chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ về nghiệp vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng và được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức bảo lãnh và hưởng phí bảo lãnh: Là số phí được hưởng tính trên giá trị chứng khoán bảo lãnh phát hành đã được phát hành, đã thu tiền và tỷ lệ phí theo thỏa thuận. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức hưởng chiết khấu tiền bán chứng khoán đã được phát hành: Là khoản chênh lệch giữa chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền với giá chiết khấu chứng khoán đã thỏa thuận thanh toán lại với Tổ chức phát hành. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán: là số tiền hoa hồng được hưởng từ đại lý phát hành chứng khoán cho Tổ chức phát hành hoặc cho Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán tính trên giá trị chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền cho người giao đại lý phát hành chứng khoán.

Doanh thu về nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán: là số phí được hưởng từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng đã thực hiện trong kỳ.

Doanh thu về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán: là số phí được hưởng khi cung cấp các nghiệp vụ về lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật. Bao gồm: Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký chứng khoán, thanh toán các giao dịch chứng khoán; Dịch vụ quản lý sổ cổ đông, đại lý chuyển nhượng...

Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính: là doanh thu phát sinh từ việc cung cấp các dịch vụ tư vấn trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng tư vấn.

4.9.3. Doanh thu hoạt động tài chính gồm các loại sau:

- Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Doanh thu đầu tư khác...

4.10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hoạt động CTCK, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý CTCK.

4.10.1. Lãi và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh: bao gồm: Chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ; các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính và chi phí hoạt động tự doanh.

4.10.2. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ: phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của công ty chứng khoán.

4.10.3. Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái; Chi phí lãi vay; Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

4.10.4. Chi phí quản lý CTCK: phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý công ty chứng khoán.

4.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo thu nhập toàn diện vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

5. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CTCK

5.1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK:

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

5.2. Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty, Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, hoạt động giao dịch ký quỹ và đầu tư tài chính. Mức rủi ro tín dụng tối đa với mỗi nhóm tài sản chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ theo đúng hợp đồng. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của các khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bị giảm giá và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty. Tuy nhiên, đối với chứng khoán chưa niêm yết, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do các chứng khoán này không phát sinh giao dịch nên không xác định được giá thị trường.

5.3. Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

5.4. Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro; rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

5.5. Rủi ro tiền tệ:

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu

rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty duy trì số dự tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ ở mức độ hợp lý để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng thường xuyên và đảm bảo nghĩa vụ phải trả đến hạn bằng tiền có gốc ngoại tệ.

5.6 Các rủi ro về giá

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám Đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Sự tăng (hoặc giảm) của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

6. CÁC CHÍNH SÁCH ĐỊNH GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC TÀI SẢN TÀI CHÍNH CỦA CTCK

Chưa áp dụng do Chế độ kế toán chưa cho phép áp dụng.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH

A. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tại ngày 31/12/2016)

A.7.1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2016	Năm 2015
- Tiền mặt tại quỹ	3.300.335	1.283.623
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	44.275.637.451	87.271.629
- Tiền gửi có kỳ hạn (<3 tháng)	0	50.000.000.000
Cộng	44.278.937.786	50.088.555.252

A.7.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a. Cửa công ty chứng khoán	442.307	5.795.480.000
- Cổ phiếu	442.307	5.795.480.000
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
b. Cửa nhà đầu tư	53.962.282	591.322.513.700
- Cổ phiếu	53.962.282	591.322.513.700
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
Tổng cộng	54.404.589	597.117.993.700

A.7.3. Các loại tài sản tài chính

7.3.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

Tài sản FVTPL	Năm 2016		Năm 2015	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Cổ phiếu niêm yết	26.310.858	16.644.710	26.310.858	12.912.052
- Cổ phiếu chưa niêm yết	0	0	0	0
- Trái phiếu niêm yết	0	0	0	0
- Công cụ thị trường tiền tệ	0	0	0	0
Cộng	26.310.858	16.644.710	26.310.858	12.912.052

7.3.2. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản AFS	Năm 2016		Năm 2015	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Cổ phiếu chưa niêm yết	0	0	5.802.224.000	5.802.224.000
+ MLG	0	0	2.373.654.000	2.373.654.000
+ TPB	0	0	3.428.570.000	3.428.570.000
- Trái phiếu niêm yết	0	0	0	0
Cộng	0	0	5.802.224.000	5.802.224.000

7.3.3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Tài sản AFS	Năm 2016	Năm 2015
- Cổ phiếu chưa niêm yết	0	0
- Trái phiếu niêm yết	0	0
- Công cụ thị trường tiền tệ	30.680.000.000	0
Cộng	30.680.000.000	0

7.3.4. Các khoản cho vay và phải thu

Khoản cho vay và phải thu	Năm 2016		Năm 2015	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	213.047.000	213.047.000	0	0
Cộng	213.047.000	213.047.000	0	0

7.3.5. Về tình hình lập dự phòng giảm giá tài sản tài chính:

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng kỳ này				Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Mức trích lập/hoàn nhập kỳ này
		Số lượng	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng kỳ này		
I	TSTC FVTPL	855	26.310.858	16.644.710	15.866.890	13.398.806	2.468.084
<i>1</i>	<i>Cổ phiếu NY</i>	<i>855</i>	<i>26.310.858</i>	<i>16.644.710</i>	<i>15.866.890</i>	<i>13.398.806</i>	<i>2.468.084</i>
	ACB	57	4.191.800	1.003.200	3.188.600	3.063.200	125.400
	BCC	57	1.000.000	828.210	171.790	330.000	(158.210)
	BHS	3	91.960	42.600	49.360	33.460	15.900
	BT6	9	225.620	0	225.620	176.120	49.500
	DHI	0	3.847.500	0	3.847.500	0	3.847.500
	DRC	5	104.320	160.000	0	(35.307)	35.307
	EBS	44	1.266.100	378.400	887.700	909.700	(22.000)
	GMC	1	31.540	25.200	6.340	(5.260)	11.600
	GMD	9	564.420	243.000	321.420	310.020	11.400
	HAP	1	29.450	3.100	26.350	23.550	2.800
	HTP	160	1.716.000	2.880.000	0	276.000	(276.000)
	IFS	2	76.790	17.200	59.590	77.400	(17.810)
	ITA	6	206.590	23.940	182.650	214.308	(31.658)
	KHA	5	73.810	210.500	0	(76.190)	76.190
	KHP	6	135.130	65.400	69.730	66.130	3.600
	MHC	1	40.540	6.320	34.220	25.240	8.980
	NBC	214	1.045.800	1.498.000	0	1.086.646	(1.086.646)
	NTP	194	3.023.558	7.285.000	0	(446.968)	446.968
	PGC	12	365.400	154.800	210.600	345.750	(135.150)
	PNC	2	69.300	33.400	35.900	41.300	(5.400)
	PPC	7	395.550	116.900	278.650	267.450	11.200

	PVD	8	682.440	165.600	516.840	496.940	19.900
	REE	9	354.000	221.850	132.150	152.400	(20.250)
	SAM	5	236.580	45.500	191.080	202.580	(11.500)
	SD9	99	4.804.500	753.390	4.051.110	3.647.500	403.610
	TCR	2	63.000	8.700	54.300	51.200	3.100
	TMS	6	186.670	317.400	0	(410.330)	410.330
	TYA	5	282.270	53.000	229.270	235.770	(6.500)
	VHG	20	704.080	43.200	660.880	1.877.657	(1.216.777)
	VTC	6	496.140	60.900	435.240	462.540	(27.300)
2	Cổ phiếu CNY	0	0	0	0	0	0
3	Trái phiếu	0	0	0	0	0	0
II	TSTC HTM	0	30.680.000.000	30.680.000.000	0	0	0
	- Công cụ thị trường tiền tệ		30.680.000.000	30.680.000.000	0	0	0
III.	TSTC cho vay		213.047.000	213.047.000	0	0	0
	- Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng		213.047.000	213.047.000	0	0	0
IV	TSTC AFS	0	0	0	0	0	0
	-	0	0	0	0	0	0
	TỔNG TSTC	855	30.919.357.858	30.909.691.710	15.866.890	13.398.806	2.468.084

A.7.4. Các khoản phải thu

7.4.1. Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư

- Phải thu bán cổ phiếu TPB

Cộng

Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi

7.4.2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư

- Dự thu lãi tiền gửi kỳ hạn

Cộng

Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi

7.4.3. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp

- Phải thu phí tư vấn

- Phải thu phí giao dịch

Cộng

7.4.4. Phải thu khác

- Công ty CP ĐTPT Việt Thành

- Công ty CP Đầu tư PSP VN

- Công ty Cổ phần thương mại sản xuất Dăm Gỗ TMT

- Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Thế giới

- Các đối tượng khác

Cộng

Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi

	Năm 2016	Năm 2015
		2.000.000.000
	0	2.000.000.000
	0	0
	Năm 2016	Năm 2015
	83.738.695	0
	83.738.695	0
	0	0
	Năm 2016	Năm 2015
	0	50.000.001
	10.053.915	0
	10.053.915	50.000.001
	Năm 2016	Năm 2015
	0	12.437.500.000
	0	2.238.000.000
	0	2.700.000.000
	0	1.500.000.000
	494.357.589	3.967.274.172
	494.357.589	22.842.774.172
	440.922.605	0

A.7.5. Dự phòng phải thu khó đòi

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Tham chiếu	Kỳ này			
				Số đầu kỳ	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ (*)	Số cuối kỳ
1	Dự phòng khó đòi Phải thu bán các tài sản tài chính	2.000.000.000		1.000.000.000	0	1.000.000.000	0
2	Các khoản phải thu khác	18.175.624.586		10.606.874.586	0	10.165.951.981	440.922.605
	- Phải thu NĐT và CBNV	3.038.124.586		3.038.124.586	0	2.597.201.981	440.922.605
	- Công ty CP ĐTPT Việt Thành	12.437.500.000		6.218.750.000	0	6.218.750.000	0
	- Công ty Cổ phần thương mại sản xuất Dăm Gõ TMT	2.700.000.000		1.350.000.000	0	1.350.000.000	0
	Cộng	20.175.624.586		11.606.874.586	0	11.165.951.981	440.922.605

(*) Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi do:
 - Thanh lý các hợp đồng ứng trước, thu hồi toàn bộ tiền đã ứng trước
 - Thu hồi các công nợ khó đòi khác

A.7.6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		Năm 2016	Năm 2015
7.9.1. Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán		20.082.686	0
7.9.4. Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)		7.839.091	
Cộng		27.921.777	0
A.7.7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		Năm 2016	Năm 2015
- Thuế giá trị gia tăng		0	0
- Thuế thu nhập cá nhân		40.733.037	294.145.925
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		0	875.382.807
Cộng		40.733.037	1.169.528.732
A.7.8. Chi phí phải trả		Năm 2016	Năm 2015
- Trích trước chi phí kiểm toán		40.000.000	80.000.000
Cộng		40.000.000	80.000.000
A.7.9. Phải trả người bán		Năm 2016	Năm 2015
- Công ty Tài Tâm		97.575.084	97.575.084
- Công ty Reuter		64.932.145	64.932.145
- Công ty phần mềm HT2D		54.000.000	54.000.000
- Công ty Datacraft		50.700.078	50.700.078
- Công ty CP Đầu tư PSP Việt Nam		0	153.307.577
- Chi nhánh Tổng Công ty dịch vụ viễn thông		0	71.145.235
- Các đối tượng khác		128.146.862	260.930.062
Cộng		395.354.169	752.590.181
A.7.10. Phải trả, phải nộp khác		Năm 2016	Năm 2015
- Công ty CP GT, MT & ĐT Chí Linh		0	283.849.000
Cộng		0	283.849.000
A.7.11. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình			
Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình			
Số dư đầu năm	0	3.422.597.897	3.422.597.897
- Mua trong năm	760.362.400	0	760.362.400
- Giảm khác	0	(2.906.612.553)	(2.906.612.553)
Số dư cuối năm	760.362.400	515.985.344	1.276.347.744
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	0	3.422.597.897	3.422.597.897
- Khấu hao trong kỳ	26.241.711	0	26.241.711
- Giảm khác	0	(2.906.612.553)	(2.906.612.553)
Số dư cuối năm	26.241.711	515.985.344	542.227.055
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH			
Tại ngày đầu năm	0	0	0
Tại ngày cuối năm	734.120.689	0	734.120.689

A.7.12. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Phần mềm tin học	Tổng Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư đầu năm	7.555.205.543	7.555.205.543
- Mua trong năm	380.000.000	380.000.000
- Giảm khác	(7.555.205.543)	(7.555.205.543)
Số dư cuối năm	380.000.000	380.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
		0
Số dư đầu năm	7.555.205.543	7.555.205.543
- Khấu hao trong kỳ	12.841.783	12.841.783
- Giảm khác	(7.555.205.543)	(7.555.205.543)
Số dư cuối năm	12.841.783	12.841.783
III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH		
		0
Tại ngày đầu năm	0	0
Tại ngày cuối năm	367.158.217	367.158.217

A.7.13. Chi phí trả trước

	Năm 2016	Năm 2015
7.13.1. Chi phí trả trước ngắn hạn	103.578.534	113.555.000
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	103.578.534	0
- Chi phí thuê văn phòng	0	113.555.000
7.13.2. Chi phí trả trước dài hạn	557.824.013	0
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	557.824.013	0
Cộng	661.402.547	113.555.000

A.7.14. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	Năm 2016	Năm 2015
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	2.083.737.137	1.650.027.729
- Tiền lãi được phân-bổ trong năm	126.086.138	395.674.367
Cộng	2.329.823.275	2.165.702.096

A.7.15. Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm 2016	Năm 2015
- Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(22.708.980.766)	(32.905.642.098)
Cộng	(22.708.980.766)	(32.905.642.098)

A.7.16. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK

	Năm 2016	Năm 2015
1. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	8.550.000	7.190.000
Cộng	8.550.000	7.190.000

A.7.17. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Năm 2016	Năm 2015
- Cổ phiếu TPB	0	3.428.570.000
- Cổ phiếu MLG	0	994.500.000
Cộng	0	4.423.070.000

A.7.18. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư	<i>Năm 2016</i>	<i>Năm 2015</i>
1. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	162.152.070.000	22.024.070.000
2. Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	0	53.660.000
3. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	0	410.000
Cộng	162.152.070.000	22.078.140.000
A.7.19. Tiền gửi của Nhà đầu tư	<i>Năm 2016</i>	<i>Năm 2015</i>
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	12.215.904.133	11.626.675.807
<i>1.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>1.542.049.073</i>	<i>417.331.724</i>
<i>1.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>10.673.855.060</i>	<i>11.209.344.083</i>
4. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	7.195.290.683	941.539.976
<i>4.1. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>7.195.290.683</i>	<i>941.539.976</i>
Cộng	19.411.194.816	12.568.215.783
A.7.20. Phải trả Nhà đầu tư	<i>Năm 2016</i>	<i>Năm 2015</i>
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	19.411.194.816	12.354.334.910
<i>1.1. Của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>8.737.339.756</i>	<i>1.144.990.827</i>
<i>1.2. Của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>10.673.855.060</i>	<i>11.209.344.083</i>
Cộng	19.411.194.816	12.354.334.910

B. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN

Đơn vị tính: VND

B.7.21. Thu nhập

7.21.1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7
1	Cổ phiếu niêm yết	0						
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	442.307	33.780	5.788.640.000	5.802.224.000	(13.584.000)	(13.584.000)	(13.584.000)
	+ TPB	342.857	9.980	3.421.730.000	3.428.570.000	(6.840.000)	(6.840.000)	(6.840.000)
	+ MLG	99.450	23.800	2.366.910.000	2.373.654.000	(6.744.000)	(6.744.000)	(6.744.000)
3	Trái phiếu niêm yết							
	Tổng cộng	442.307	33.780	5.788.640.000	5.802.224.000	(13.584.000)	(13.584.000)	(13.584.000)

7.21.2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này
A	B	C	D	E=C-D	F	G=E-F
I	Loại FVTPL	26.310.858	16.644.710	15.866.890	13.398.806	2.468.084
1	Cổ phiếu niêm yết	26.310.858	16.644.710	15.866.890	13.398.806	2.468.084
II	Loại HTM	0	0	0	0	0
III	Loại các khoản cho vay và phải thu	0	0	0	0	0
IV	Loại AFS	0	0	0	0	0
	Cộng	26.310.858	16.644.710	15.866.890	13.398.806	2.468.084

7.21.3. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

Các loại doanh thu khác	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		
- Doanh thu ban đầu	1.182.468.640	10.430.592
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Doanh thu thuần	1.182.468.640	10.430.592
2. Doanh thu tư vấn		
- Doanh thu ban đầu	39.523.809	827.272.727
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Doanh thu thuần	39.523.809	827.272.727
3. Doanh thu lưu ký		
- Doanh thu ban đầu	38.680.802	0
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Doanh thu thuần	38.680.802	0
Cộng	1.260.673.251	837.703.319

B.7.22. Doanh thu hoạt động tài chính

Loại doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu lãi tiền gửi	254.065.751	183.732.330
Cộng	254.065.751	183.732.330

B.7.23. Chi phí quản lý CTCK

Loại chi phí quản lý CTCK	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	182.337.034	773.340.083
- Chi phí công cụ, dụng cụ	29.246.630	0
- Chi phí khấu hao TSCĐ	7.816.700	0
- Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	4.000.000
- Chi phí dự phòng và hoàn nhập dự phòng	(11.165.951.981)	7.568.750.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	221.957.981	134.730.866
Cộng	(10.721.593.636)	8.480.820.949

B.7.24. Chi phí khác

Chi tiết chi phí khác	Năm nay	Năm trước
- Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế	993.467.149	0
- Các khoản phạt khác	108.055.552	0
Cộng	1.101.522.701	0

B.7.25. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

Chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập CTCK tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.243.265.493	0
- Điều chỉnh chi phí Thuế thu nhập CTCK của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(2.243.265.493)	0

- Tổng chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành	0	0
<i>Chi phí thuế thu nhập CTCK hoãn lại</i>		
Cộng	0	0

C. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: Không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần điều chỉnh.

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan có giao dịch trong năm

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Đầu tư PSP Việt Nam	Cổ đông lớn của Công ty trước ngày 25/7/2016
2	Công ty TNHH Chế biến NSXK & TM Hoàng Long	Cổ đông lớn của Công ty trước ngày 25/7/2016
3	Công ty Cổ phần ĐTPT Việt Thành	Cổ đông lớn của Công ty trước ngày 25/7/2016
4	Ông Phạm Trí Thành	Chủ tịch HĐQT Công ty đã miễn nhiệm ngày 25/07/2016
5	Công ty CP ĐTPT Công nghệ Thế Giới	Ông Phạm Trí Thành (Nguyên Chủ tịch HĐQT Công ty) làm Tổng Giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch	
		Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư PSP Việt Nam	Nhận tiền lại ứng trước theo Hợp đồng	2.500.000.000	0
	Trả trước tiền theo Hợp đồng		646.000.000
	Nhận lại tiền ứng trước	646.000.000	0
	Thu lại tiền ứng trước	0	0
Công ty TNHH Chế biến NSXK & TM Hoàng Long	Nhận tiền lại ứng trước theo Hợp đồng	2.700.000.000	0
Công ty Cổ phần ĐTPT Việt Thành	Nhận tiền lại ứng trước theo Hợp đồng	12.437.500.000	0
Ông Phạm Trí Thành	Tạm ứng	15.000.000	0
	Hoàn ứng	15.000.000	0
Công ty CP ĐTPT Công nghệ Thế Giới	Thu hồi nợ	1.500.000.000	0

Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Nội dung số dư	Số tiền (VND)	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư PSP Việt Nam	Người mua trả tiền trước	0	646.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư PSP Việt Nam	Trả trước cho người bán	0	2.500.000.000
Công ty Cổ phần ĐTPT Việt Thành	Trả trước cho người bán	0	12.437.500.000

Công ty CP ĐTPT Công nghệ Thế Giới	Phải thu	0	1.500.000.000
Công ty TNHH Chế biến NSXK & TM Hoàng Long	Trả trước cho người bán	0	2.700.000.000

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại theo hướng dẫn tại Thông tư số 210 ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính như sau:

Các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tình hình tài chính

Số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính Năm 2015			Số liệu trình bày lại trên Báo cáo tài chính năm 2016		
Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền
Tiền	111	12.656.771.035	Tiền	111	88.555.252
Cộng		12.656.771.035	Tiền gửi của khách hàng	026	12.568.215.783
					12.656.771.035
Đầu tư ngắn hạn	121	5.828.534.858	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	26.310.858
Cộng		5.828.534.858	Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	5.802.224.000
					5.828.534.858
Phải thu khách hàng	131	2.050.000.001	Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	2.000.000.000
Cộng		2.050.000.001	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	50.000.001
					2.050.000.001
Trả trước cho người bán	132	17.763.520.784	Các khoản phải thu khác	122	22.842.774.172
Các khoản phải thu khác	138	4.865.372.515			
Chênh lệch tiền của NĐT	111	213.880.873			
Cộng		22.842.774.172			22.842.774.172
Tài sản ngắn hạn khác	158	118.555.000	Tạm ứng	131	5.000.000
Cộng		118.555.000	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	113.555.000
					118.555.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	599.576.990	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324	315.727.990
Cộng		599.576.990	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	283.849.000
					599.576.990
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	12.354.334.910	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030	12.354.334.910

Các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo thu nhập toàn diện

Số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính Năm 2015			Số liệu trình bày lại trên Báo cáo tài chính năm 2016		
Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền
Doanh thu khác	01.9	183.732.330	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	42	183.732.330
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	1.275.112.922	Chi phí hoạt động	40	1.276.937.994
			Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	01.2	(1.825.072)
Cộng		1.275.112.922			1.275.112.922

Các chỉ tiêu liên quan đến Lưu chuyển tiền tệ

Số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính Năm 2015			Số liệu trình bày lại trên Báo cáo tài chính năm 2016		
Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	62.656.771.035	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	50.088.555.252
			Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40	12.568.215.783
Cộng		62.656.771.035			62.656.771.035

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

5. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động CTCK

Chỉ số vốn khả dụng của tỷ lệ vốn hoạt động ròng (NCR) (Net operating Capital Ratio)

Chỉ số vốn khả dụng của Công ty tại ngày 31/12/2016:

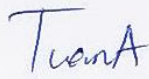
$$\text{Tỷ lệ vốn hoạt động ròng (\%)} = \frac{74.377.275.080}{8.844.500.656} \times 100\% = 840,94\%$$

Người lập



VŨ THỊ KHUYẾN

Q. Kế toán trưởng



TRẦN TUẤN ANH

Lập, ngày 05 tháng 01 năm 2017



HOÀNG NHƯ HẢI